

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm 20 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình : Chương trình đào tạo Quan hệ công chúng

Trình độ đào tạo : Đại học chính quy

Ngành đào tạo : Quan hệ công chúng

Mã ngành : 7360708

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng (QHCC) có phẩm chất chính trị, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe và năng lực giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn trong sự nghiệp xây dựng đất nước nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập Quốc tế của Việt Nam. Sau khóa học SV có đủ năng lực hành nghề QHCC trong các cơ quan chính phủ, phi chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức liên doanh và các tổ chức chính trị xã hội khác. Cử nhân ngành QHCC còn có thể tác nghiệp tại các cơ quan báo chí, các báo, tạp chí, các Đài phát thanh, truyền hình, nghiên cứu, giảng dạy về PR tại các cơ sở đào tạo hoặc học lên học vị cao hơn trong lĩnh vực QHCC.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Kiến thức:

- Cung cấp cho SV một nền tảng kiến thức cơ bản và có hệ thống, bài bản về lĩnh vực QHCC. Cử nhân ngành QHCC sẽ được trang bị kiến thức liên ngành và mối liên hệ giữa bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội với ngành QHCC.

- Được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về QHCC và các kỹ năng hành nghề QHCC, các tri thức về truyền thông, các phương tiện truyền thông và cách sử dụng các phương tiện này trong hoạt động QHCC.

1.2.2 Kỹ năng:

- Cử nhân ngành QHCC sẽ có kỹ năng xây dựng, duy trì, phát triển quan hệ giữa tổ chức với các nhóm công chúng; tổ chức và lập kế hoạch truyền thông, quản lý khủng hoảng;

- Kỹ năng viết, biên tập và xuất bản các thông cáo báo chí, các sản phẩm truyền thông khác dưới các loại hình in ấn, phát thanh, truyền hình, mạng điện tử và kỹ năng quan hệ với báo chí;

- Kỹ năng quản lý và tư vấn xây dựng chiến lược QHCC;

- Kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình; có kỹ năng đánh giá hiệu quả các hoạt động QHCC.

- Khả năng tư duy chiến lược và tiếp thu kiến thức mới, cập nhật; có khả năng sáng tạo, năng động và dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; có khả năng giao tiếp, tháo vát và làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

1.2.3 Thái độ:

Tác phong làm việc, thái độ đúng đắn đối với ngành học cũng như việc rèn luyện những kỹ năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn trong tương lai cũng như có thái độ đúng đắn về QHCC và nguyên tắc hành nghề QHCC.

1.2.4 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Những vị trí mà các cử nhân QHCC có thể đảm nhiệm bao gồm: vị trí cán bộ tác nghiệp, xây dựng chính sách PR, tiến hành tổ chức sự kiện... tại các phòng PR của các cơ quan, doanh nghiệp; vị trí nhà truyền thông làm việc tại các tổ chức truyền thông, báo đài; hoặc cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy tại các cơ quan nghiên cứu, các trường Đại học và Cao đẳng.

1.2.5. Ngoại ngữ, Tin học

Đạt kỹ năng về tiếng Anh, tin học và nghề nghiệp theo quy định chung của Nhà trường để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

- Kiến thức chung:

Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực gắn với ngành đào tạo.

Vận dụng tư duy logic để giải quyết các vấn đề của ngành hiệu quả và hợp lý Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, về văn hóa dân tộc và một số loại hình chủ yếu của văn học nghệ thuật, giúp xây dựng và hoàn thiện nhân cách, làm nền tảng tiếp thu và vận dụng sáng tạo các kiến thức trong lĩnh vực của ngành.

- Kiến thức ngành và chuyên ngành:

Kiến thức chuyên sâu về Báo chí như báo điện tử, báo in, phát thanh, truyền hình, quảng cáo cùng những đặc trưng, nguyên tắc và phương pháp tác nghiệp từng thể loại.

Kiến thức chuyên sâu về Quan hệ công chúng như Tổ chức sự kiện, quản lý khủng hoảng, xây dựng và phát triển thương hiệu, PR nội bộ và cộng đồng, PR chính phủ, PR trong các tổ chức phi chính phủ, giao tiếp thuyết trình, đàm phán, thương lượng, ...; hiểu biết sâu về các lĩnh vực PR và nhiệm vụ cụ thể trong từng lĩnh vực; Thao tác và xử lý cơ bản trên các dữ liệu ảnh, âm thanh và video; Sáng tạo sản phẩm đa phương tiện ứng dụng trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội như truyền thông (phát thanh, truyền hình, báo mạng), giải trí, quảng cáo, giáo dục, kinh doanh, ...

2.2 Kỹ năng

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ công chúng giúp sinh viên nắm được những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản như:

- **Kỹ năng báo chí:** Kỹ năng viết tác phẩm báo chí, thông cáo báo chí, kỹ năng phỏng vấn, biên tập và thiết kế sách báo, chế bản điện tử,
- **Kỹ năng Quan hệ công chúng:** Kỹ năng nói và thuyết phục công chúng (MC), làm việc theo nhóm, tổ chức sự kiện, xây dựng và phát triển thương hiệu, xử lý khủng hoảng, tổ chức họp báo, trả lời phỏng vấn, xây dựng chiến lược truyền thông, ...
- **Kỹ năng Truyền thông đa phương tiện:** quay phim, chụp ảnh, dựng phim và xây dựng, thiết kế sáng tạo các tác phẩm đa phương tiện, quảng cáo, dựng phim hoạt hình, ...
- **Kỹ năng mềm:** Có kỹ năng đề xuất giải pháp, phản biện, thuyết trình ý tưởng trước lãnh đạo và đồng nghiệp; Có kỹ năng tổ chức thời gian và nguồn lực của cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ; Có kỹ năng phối hợp, cộng tác và chia sẻ với đồng nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;
- Có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, biết phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đối với ngành Quan hệ công chúng;
- Có tinh thần học tập không ngừng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có tinh thần hợp tác và tính cộng đồng trong công việc và đời sống.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 124 TC (chưa bao gồm môn giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng – An ninh)

STT	Khối kiến thức	Số TC
I	Kiến thức giáo dục đại cương	41
1	Lý luận chính trị	10
2	Khoa học xã hội và nhân văn	10
3	Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên	6
4	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	15
5	<i>Giáo dục thể chất</i>	<i>(3)</i>
6	<i>Giáo dục quốc phòng – An ninh</i>	<i>(8)</i>
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83
1	Kiến thức cơ sở ngành	20
2	Kiến thức chuyên ngành	53
3	Thực tập, khoá luận hoặc học thay thế	10
	Tổng số	124

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tuyển sinh trong cả nước

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

- Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường.

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

6. Cách thức đánh giá

- Thực hiện đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

7. Nội dung chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khoá: **124 TC** (Không kể GDTC và GDQP-An Ninh)

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 41 TC

7.1.1. Lý luận chính trị: 10 TC

STT	Tên học phần	Số TC
1	Triết học	2
2	Kinh tế chính trị	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3

7.1.2. Khoa học xã hội và nhân văn: 10 TC

STT	Tên học phần	Số TC
1	Pháp luật đại cương	2
2	Xã hội học đại cương	2
3	Logic đại cương	2
4	Tâm lý học đại cương	
	Tự chọn: (Chọn 1 trong 4 môn)	2
5	Truyền thông và phát triển	2
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
7	Lịch sử văn minh thế giới	2
8	Truyền thông Quốc tế	2

7.1.3. Ngoại ngữ (Tiếng Anh): 15 TC

STT	Tên học phần	Số TC
1	Anh văn căn bản 1	3
2	Anh văn căn bản 2	3
3	Anh văn căn bản 3	3
4	Anh văn trung cấp I	3
5	Anh văn trung cấp II	3

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 6 TC

STT	Tên học phần	Số TC
1	Tin học căn bản	3
2	Xác suất thống kê	3

7.1.5. Giáo dục thể chất (*): 3 TC

7.1.6. Giáo dục quốc phòng – An ninh (*): 8 TC

7.2. Kiến thức chuyên nghiệp: 83 TC

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 20 TC

STT	Tên học phần	Số TC
	Bắt buộc	9
1	Lý thuyết truyền thông	3
2	Các phương tiện báo chí truyền thông	3
3	Marketing và tâm lý công chúng	3
	Tự chọn: (Chọn 11 TC)	11
4	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng*	3
5	Pháp luật và đạo đức truyền thông*	3
6	Văn hóa Doanh nghiệp	3
7	Kinh tế học*	2
8	Công chúng truyền thông	3
9	Cơ sở lý luận báo chí*	3

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 53 TC

STT	Tên học phần	Số TC
	Bắt buộc	38
1	Quan hệ công chúng đại cương	3
2	Quan hệ công chúng ứng dụng I (QHCC Doanh nghiệp)	3
3	Quan hệ công chúng ứng dụng II	3
4	Tổ chức sự kiện	3
5	Công cụ Quan hệ công chúng I	3
6	Công cụ Quan hệ công chúng II	3
7	Quản lý khủng hoảng	3
8	Quản trị thương hiệu	3
9	Quảng cáo đại cương	3
10	Nghiên cứu đánh giá Quan hệ công chúng	3
11	Các chuyên đề Quan hệ công chúng	3

12	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3
13	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2
	Tự chọn	15
14	Thiết kế trình bày Quan hệ công chúng*	3
15	Nghệ thuật nói trước công chúng*	3
16	Chiến lược chiến thuật Quan hệ công chúng*	3
17	Truyền thông môi trường*	3
18	Kỹ năng giao tiếp – Đàm phán	3
19	Quan hệ công chúng nội bộ (Ngh nghiệp vụ PR)*	3

7.2.3. Thực tập, khoá luận tốt nghiệp (hoặc học phân thay thế): 10 TC

STT	Tên học phần	Số TC
1	Thực tập tốt nghiệp	4
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phân thay thế	6
2.1	Truyền thông tiếp thị tích hợp	4
2.2	Truyền thông và toàn cầu hoá	2

Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ I: 14							
STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Triết học	2	30				
2	Pháp luật đại cương	2	30				
3	Anh văn căn bản 1	3	45				
4	Logic học đại cương	2	30				
5	Kinh tế học	2	45				
6	Tin học căn bản	3	45				
7	<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)</i>	8	165	5	75	3	90
8	<i>Giáo dục thể chất 1 (*)</i>	1				1	30
HỌC KỲ II: 16							
STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	TC	Tiết	TC
1	Kinh tế chính trị,	2	30				
2	CNXH khoa học	1	15				
3	Anh văn căn bản 2	3	45				
4	Tư tưởng HCM	2	30				
5	Lý thuyết truyền thông	3	45				
6	Xác suất thống kê	3	45				
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30				
8	<i>Giáo dục thể chất 2 (*)</i>	1				1	30
HỌC KỲ III: 17							
STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	TC	Tiết	TC

1	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	45				
2	Tâm lý học đại cương	2	30				
3	Quan hệ công chúng đại cương	3	45				
4	Tiếng Anh căn bản 3	3	45				
5	<i>Giáo dục thể chất 3 (*)</i>	1				1	30
6	Cơ sở lý luận báo chí	3	45				
7	Marketing và tâm lý công chúng	3	45				
HỌC KỲ IV: 17							
STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	TC	Tiết	TC
1	Xã hội học đại cương	2	30				
2	Công cụ QHCC I	3	45				
3	Quan hệ công chúng ứng dụng I	3	45				
4	Quảng cáo đại cương	3	45				
5	Anh văn trung cấp I	3	45				
6	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng	3	45				
HỌC KỲ V: 15 TC							
STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	TC	Tiết	TC
1	Nghiên cứu và đánh giá QHCC	3	45				
2	Các phương tiện báo chí truyền thông	3	45				
3	Tổ chức sự kiện	3	45				
4	Quan hệ công chúng ứng dụng II	3	45				
5	Anh văn trung cấp II	3	45				
HỌC KỲ VI: 17 TC							
STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	TC	Tiết	TC
1	Công cụ QHCC ứng dụng II	3	45				
2	Quản lý khủng hoảng	3	45				
3	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45				
	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	30				
4	Chiến lược và chiến thuật QHCC	3	45				
5	Thiết kế và trình bày QHCC	3	45				
HỌC KỲ VII: 15 TC							
STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	TC	Tiết	TC
1	Quản trị thương hiệu	3	45				
2	Các chuyên đề QHCC	3	45				
3	Truyền thông môi trường	3	45				
4	Pháp luật và đạo đức truyền thông	3	45				
5	Quan hệ công chúng nội bộ (Nghệ vụ PR)	3	45				

HỌC KỲ VIII: 13 TC							
STT	Học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	TC	Tiết	TC
1	Nghệ thuật nói trước công chúng	3	45				
2	Thực tập tốt nghiệp	4	120			4	120
3	Khoá luận tốt nghiệp	6	240			6	240
Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp							
1	Truyền thông tiếp thị tích hợp	4	60				
2	Truyền thông và toàn cầu hóa	2	30				

Ghi chú: *GDTC* và *GDQP* - An ninh không tính trong khối lượng thời gian đào tạo.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cận kề toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

8.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên viết tiểu luận, đề án. Giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

8.3. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

8.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập.

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector), tăng âm.

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản, tin học ứng dụng thiết kế, mô phỏng các quá trình.

- Chương trình ngành Quan hệ công chúng được thiết kế đơn ngành.

Khoa Kinh tế

Phòng Đào tạo

Hiệu trưởng